

Số: 1789/VTVcab

Hà Nội, ngày 27 tháng 08 năm 2022

V/v: Giải trình lợi nhuận sau thuế TNDN trên BCTC riêng giữa niên độ kỳ 6 tháng năm 2022 của Tổng công ty thay đổi từ 10% trở lên so với BCTC cùng kỳ năm trước

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Tên tổ chức: Công ty cổ phần Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam
Mã chứng khoán: CAB
Địa chỉ: Số 3/84 đường Ngọc Khánh, P.Giảng Võ, Q.Ba Đình, Hà Nội

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 06/11/2020 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Quy chế công bố thông tin tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 606/QĐ –SGDHN ngày 29/09/2016 của Tổng Giám đốc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Công ty cổ phần Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam (VTVcab) giải trình chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kỳ 6 tháng năm 2022 của Tổng công ty thay đổi trên 10% so với cùng kỳ năm trước:

CHỈ TIÊU	6 tháng 2022	6 tháng 2021	Chênh lệch	
			Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ % tăng/giảm
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.014.043.391.695	1.105.280.572.573	(91.237.180.878)	-8,3%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	7.272.730	1.855.000	5.417.730	292,1%
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	1.014.036.118.965	1.105.278.717.573	(91.242.598.608)	-8,3%
4. Giá vốn	753.203.473.918	832.013.888.744	(78.810.414.826)	-9,5%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	260.832.645.047	273.264.828.829	(12.432.183.782)	-4,5%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	4.291.796.504	11.314.673.954	(7.022.877.450)	-62,1%

7. Chi phí tài chính	9.517.956.977	19.364.474.531	(9.846.517.554)	-50,8%
- Trong đó: Chi phí lãi vay	6.883.555.241	8.299.971.836	(1.416.416.595)	-17,1%
8. Chi phí bán hàng	73.676.429.433	83.722.010.747	(10.045.581.314)	-12,0%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	139.847.660.373	116.962.590.698	22.885.069.675	19,6%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	42.082.394.768	64.530.426.807	(22.448.032.039)	-34,8%
11. Thu nhập khác	21.825.084	574.251.490	(552.426.406)	-96,2%
12. Chi phí khác	10.693.600	27.415.773	(16.722.173)	-61,0%
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	11.131.484	546.835.717	(535.704.233)	-98,0%
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	42.093.526.252	65.077.262.524	(22.983.736.272)	-35,3%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	7.348.491.494	10.554.380.249	(3.205.888.755)	-30,4%
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	226.163.736	218.984.040	7.179.696	3,3%
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	34.518.871.022	54.303.898.235	(19.785.027.213)	-36,4%

Chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kỳ 6 tháng năm 2022 của VTVcab giảm 36,4% so với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kỳ 6 tháng năm 2021. Trong 6 tháng đầu năm 2022, doanh thu của VTVcab giảm 8,3% so với 6 tháng đầu năm 2021 vì doanh thu dịch vụ truyền hình truyền thống, doanh thu quảng cáo có xu hướng sụt giảm mạnh do cạnh tranh gay gắt của các nhà cung cấp cũng như sự chuyển dịch của khách hàng đối với các dịch vụ mới, hình thức quảng cáo khác. Đồng thời doanh thu tài chính 6 tháng đầu năm 2022 cũng giảm 62,1% so với 6 tháng đầu năm 2021 do cô tức từ các khoản đầu tư tài chính sụt giảm. Ngoài ra, trong 6 tháng đầu năm 2022, VTVcab đã tiết kiệm một số khoản chi phí như giá vốn giảm 9,5%, chi phí tài chính giảm 50,8% (chủ yếu là chi phí lãi vay, chi phí dự phòng đầu tư tài chính), chi phí bán hàng giảm 12%. Tuy nhiên, tổng lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2022 của VTVcab vẫn giảm 36,4% so với cùng kỳ năm 2021.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VP, TCKT

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Hoàng Ngọc Huân